CÁC NGHIÊN CỨU CỦA GIÁO SƯ PHAN HUY LÊ VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT CHÂU Á VÀ HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN KHÁNH*
TRẦN THÚY HIỀN**

Giáo sư Phan Huy Lê (1934-2018) là một nhà sử học nổi tiếng, chuyên gia hàng đầu về lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ - trung đại, được các thế hệ sinh viên tôn vinh là một trong "tứ trụ" của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong gia tài sử học đồ sộ của ông với trên 400 công trình bao gồm các sách chuyên khảo, sách tham khảo, các bài nghiên cứu, chuyên luận khoa học, trong đó đề tài Hình thái kinh tế - xã hội (HTKT-XH) và Phương thức sản xuất châu Á (PTSXCA) đã được đặt ra từ sớm và chiếm vị trí một quan trọng trong các trước tác của ông. Ngay từ năm 1959, trong cuốn *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ (thế kỷ XV)*, tác giả Phan Huy Lê đã chú ý tới một số tàn dư của PTSXCA còn tồn tại trong chế độ ruộng đất thời phong kiến. Gần hai chục năm sau, trong chuyên luận *Xã hội thời Hùng Vương* (1974) viết chung với Chử Văn Tần, Phan Huy Lê lại cho rằng thời các vua Hùng là "một xã hội có giai cấp sơ kỳ với những nét đặc trưng của hình thái Á châu". Trong một số luận văn tiếp theo, Phan Huy Lê đều khẳng định sự tồn tại của PTSXCA trong lịch sử Việt Nam và cho rằng sau chế độ công xã nguyên thủy, Việt Nam bước vào xã hội có giai cấp sơ kỳ mang đặc trưng "hình thái Á châu" hay PTSXCA, không qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ, để sau đó tiến lên chế độ phong kiến với những đặc điểm khác phương Tây" (1). Như vậy, cùng với nhiều chủ đề khác, Giáo sư Phan Huy Lê đã dành nhiều sự quan tâm nghiên cứu vấn đề PTSXCA, và từ đó đưa ra những quan điểm riêng về vấn đề HTKT-XH trong lịch sử Việt Nam. Những nghiên cứu về chủ đề này có ý nghĩa hết sức quan trọng, đóng vai trò nền tảng cho các nghiên cứu tiếp sau của ông về kinh tế, xã hội Việt Nam.

1. Từ luận thuyết của Karl Marx về Phương thức sản xuất châu Á đến cuộc thảo luận về sự tồn tại hay không của chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam

Sau nhiều năm quan sát các ngành công nghiệp hiện đại trên thế giới và phân tích các học thuyết kinh tế đi trước, năm 1859, nhà triết học khai sáng chủ nghĩa xã hội khoa học Karl Marx (K. Marx) đã công bố

* GS.TS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội
** ThS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

tác phẩm *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*. Trong lời tựa cuốn sách, ông nhận định rằng: "Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình con người ta có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực, trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị, và tương ứng với cơ sở thực tại đó thì có những hình thái ý thức xã hội nhất định" (2). K. Marx cũng xác định rõ HTKT-XH bao gồm ba mặt cơ bản là lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng, mỗi yếu tố này đều có vai trò, vị trí riêng nhưng luôn tác động qua lại lẫn nhau, có mối quan hệ biện chứng với nhau. Theo ông, lịch sử nhân loại đã và sẽ trải qua lần lượt năm HTKT-XH là cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, trên thực tế, khi áp dụng lý thuyết trên vào trường hợp cụ thể của từng dân tộc, từng quốc gia, các nhà nghiên cứu thấy rằng dường như có sự khác biệt, thiếu phù hợp do lịch sử phát triển của các cộng đồng dân tộc là không giống nhau. Chính vì vậy, nghiên cứu về lý thuyết HTKT-XH nói chung, HTKT-XH ở mỗi quốc gia nói riêng, luôn là một vấn đề thu hút nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu trên thế giới, tiêu biểu như các tác giả: Emilio Serini (3),... Stơ-ru-ve, N. V. Pi-gu-lép-scài-a (4)... Thông qua các nghiên cứu này, những khía cạnh về mối quan hệ giữa người với người, công cụ sản xuất, đối tượng lao động, sức lao động, diện mạo đời sống tinh thần và tư tưởng của mỗi quốc gia, dân tộc, cộng đồng người được bóc tách, phân tích, và từ đó dựng lên bức tranh đầy màu sắc của xã hội loài người từ thời cổ đại khi xã hội có giai cấp đến hiện đại.

Cũng trong lời tựa cuốn *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị* năm 1859, K. Marx lần đầu tiên đưa ra khái niệm mới về PTSXCA. Theo K.Marx, "Về đại thể, có thể coi các PTSXCA, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của HTKT-XH" (5). Tuy nhiên, trong suốt cuộc đời mình, ông lại chưa đưa ra định nghĩa đầy đủ với những nội dung cụ thể về khái niệm PTSXCA. Chính vì vậy, trong suốt hơn một trăm năm sau đó, giới nghiên cứu sử học Marxist đã không ngừng tiếp cận nghiên cứu và giải thích khái niệm đó trên nhiều góc độ khác nhau. Cho đến giữa thế kỷ XX, theo nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài, PTSXCA bao gồm hai biểu hiện (khía cạnh) cơ bản sau:

i. HTKT-XH thuộc PTSXCA xuất hiện đồng thời với xã hội có giai cấp vào thời cổ đại, tương ứng với xã hội chiếm hữu nô lệ ở châu Âu. Sở dĩ có sự khác biệt này là do hoàn cảnh địa lý quyết định.

ii. Vấn đề trị thuỷ và sự tồn tại dai dẳng của công xã nông thôn ở phương Đông là những nhân tố dẫn đến sự xuất hiện và tồn tại của PTSXCA.

Tới nửa sau thế kỉ XX, một số nhà nghiên cứu phương Tây lại cho rằng PTSXCA là giai đoạn quá độ từ công xã nguyên thủy sang chế độ phong kiến.

Tại Việt Nam, kể từ sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954), đã bắt đầu xuất hiện những nghiên cứu đầu tiên liên quan đến vấn đề PTSXCA. Tiêu biểu là hai công trình được xuất bản vào năm 1959, gồm cuốn *Xã thôn Việt Nam* của Nguyễn Hồng Phong (6), và chuyên khảo *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ (thế kỷ XV)* (7) của Phan Huy Lê.

Đến những năm 60 của thế kỷ XX, vấn đề PTSXCA cũng được giới Sử học Việt Nam quan tâm nghiên cứu từ phương diện lý thuyết đến thực tiễn. Nhờ đó, nhận thức về PTSXCA nói chung, cũng như những biểu hiện của phương thức sản xuất này tại Việt Nam nói riêng từng bước được làm sáng rõ. Liên quan đến chủ đề này trong những năm 1960 - 1980 có một số nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả như: Nguyễn Lương Bích (1963, 1968), Lê Kim Ngân (1982), Nguyễn Danh Phiệt (1982), Nguyễn Hồng Phong (1982)... Năm 1996, Văn Tạo xuất bản công trình *Phương thức sản xuất châu Á: Lý luận Mác - Lênin và thực tiễn Việt Nam*, được coi là một nghiên cứu hệ thống hơn cả. Trong cuốn sách này, Văn Tạo đã đi từ những lý luận chung về khái niệm PTSXCA được trình bày trong các tác phẩm của Marx, Engels, Lenin và những quan điểm liên quan tới vấn đề này của một số nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như Việt Nam, trên cơ sở đó đối chiếu với lịch sử Việt Nam, nhất là thực tiễn đời sống nông thôn Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XX để gợi ra một số vấn đề có ý nghĩa khoa học phù hợp với tình hình thực tế Việt Nam.

Dựa trên các nguyên tắc của chủ nghĩa Marx, vấn đề HTKT-XH và PTSXCA đã trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm của giới Sử học, xung quanh cuộc tranh luận học thuật: *Ở Việt Nam có tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ hay không?* Cuộc thảo luận này bắt đầu nổi lên từ khi học giả Đào Duy Anh công bố bài viết: "Chế độ nô lệ và chế độ phong kiến trong lịch sử Việt Nam" trên Tập san *Văn học Nghệ thuật* vào năm 1951 (8). Từ đó tới đầu thế kỉ XXI, nhiều học giả Việt Nam đã nghiên cứu và bày tỏ quan điểm của mình xung quanh vấn đề này thông qua các bài viết đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học. Đặc biệt, vào năm 1960, một tọa đàm về chế độ chiếm hữu nô lệ tại Việt Nam do Viện Sử học Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội tổ chức. Tham dự hội nghị có Thủ tướng Phạm Văn Đồng và hơn 100 nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan trung ương. Điều này phần nào chứng tỏ tầm quan trọng và sức hấp dẫn của chủ đề này ở Việt Nam thời điểm đó. Thông qua các tham luận, có thể chia thành hai quan điểm như sau:

i. Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng tại Việt Nam từng tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ, đại diện cho nhóm quan điểm này là những nhà khoa học như Văn Tân, Nguyễn Lương Bích, Mạc Đường, Nguyễn Đổng Chi, Đào Tử Khải, Nguyễn Hồng Phong...

ii. Nhóm quan điểm thứ hai lại khẳng định xã hội Việt Nam trong lịch sử chưa từng trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ, gồm chủ yếu là các nhà nghiên cứu trẻ thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội như Hà Văn Tấn, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hoàng Văn Tuyên,...

Theo quan điểm của những học giả thuộc nhóm 1, ở Việt Nam có chế độ chiếm hữu nô lệ thì HTKT-XH này xuất hiện và tồn tại trong khoảng thời gian trước thế kỉ X, nhưng thời điểm bắt đầu vẫn còn có sự khác biệt giữa các nghiên cứu. Trong bài viết *Vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam* đăng trên Tập san *Văn Sử Địa* năm 1955, Minh Tranh cho rằng Việt Nam chỉ thực sự trải qua chế độ cộng sản nguyên thủy và bước vào thời kì chiếm hữu nô lệ khi xuất hiện bộ máy nhà nước mang tính thống trị đầu tiên, tức là khi An Dương Vương chinh phục được Văn Lang và lập ra nhà nước Âu Lạc vào năm 257 TCN (9). Còn Trần Văn Giáp lại cho rằng chế độ nô lệ đã dần được hình thành từ thời đại Hùng Vương (10); Nguyễn Lương Bích đưa ra ý kiến là chế độ chiếm hữu nô lệ bắt đầu xuất hiện từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 39, được

củng cố thêm từ cuộc chinh phục của Mã Viện, và kết thúc vào năm 544 trước khi Lý Nam Đế dựng ra nhà nước Vạn Xuân (11). Xét về thời gian hình thành và tồn tại của HTKT-XH chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam, Văn Tân đưa ra con số khoảng hơn 1.000 năm, tức là chế độ chiếm hữu nô lệ tại Việt Nam kéo dài từ thời Hồng Bàng, qua thời An Dương Vương và cho tới cuối thời kì Bắc thuộc (12). Nhưng cũng có một số nhà nghiên cứu khác nhận định rằng chế độ xã hội này xuất hiện khi các công cụ sản xuất bằng kim khí phát triển mạnh.

Mặc dù còn những ý kiến khác nhau nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu thuộc nhóm 1 đều cho rằng chế độ nô lệ ở Việt Nam mang đặc trưng của phương Đông, có nghĩa là chế độ nô lệ gia trưởng: nô lệ không chỉ phục vụ chủ nhân trong gia đình mà còn cùng với các thành viên gia đình tham gia vào hoạt động sản xuất. Các nhà nghiên cứu này cũng chỉ ra điểm khác biệt căn bản giữa chế độ chiếm hữu nô lệ ở phương Tây và Việt Nam ở số lượng nô tì. Số lượng nô tì ở Việt Nam không nhiều như nô lệ ở các nước phương Tây. Nhưng bên cạnh nô tì, những nông dân công xã lại đóng vai trò giống như nô lệ, để thực hiện trong các hoạt động trị thủy (13). Ngoài ra, nếu như các nô lệ ở phương Tây chủ yếu là các tù binh, thì phần đa nô tì tại Việt Nam lại là những thành viên công xã bị phá sản và mắc nợ. Do không còn tư liệu sản xuất, không đủ sức để trả nợ, nên nô tì buộc phải bán mình cho giai cấp thống trị. Đó là căn nguyên khiến tác giả Nguyễn Lương Bích xác định tính chất của HTKT-XH chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam là chế độ nô lệ vì nợ (14).

Trái ngược với quan điểm thứ 1 trên, nhiều sử gia trẻ từ cuối những năm 1950 đầu những năm 1960 lại cho rằng trong thời kỳ cổ - trung đại Việt Nam không tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ mặc dù trong lòng xã hội bấy giờ có sự tồn tại một bộ phận người mang thân phận nô lệ và thường được gọi là nô tì. Trần Quốc Vượng và Chu Thiên khẳng định: "ở Việt Nam, trong giai đoạn tan rã của chế độ công xã nguyên thủy đã xuất hiện quan hệ nô lệ; quan hệ ấy tồn tại suốt trong thời kì thống trị của phong kiến Trung Quốc, trong thời kì phát triển bước đầu của chế độ phong kiến dân tộc (thế kỉ thứ X-XV), tàn dư của nó còn tồn tại rất lâu về sau này nữa, nhưng trước sau quan hệ nô lệ chưa bao giờ trở thành một HTKT-XH. Xã hội Việt Nam trước sau chưa bao giờ trải qua một thời kì của chế độ chiếm hữu nô lệ" (15). Các học giả thuộc trường phái phủ định sự tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam cũng có quan điểm tương đồng với Trần Quốc Vượng và Chu Thiên. Điều đó có nghĩa là họ không phủ nhận sự tồn tại của các nô lệ với những tên gọi khác nhau, tuy nhiên, họ cũng nhận định rằng quan hệ nô lệ chưa bao giờ là mối quan hệ chi phối xã hội Việt Nam.

Cùng ý kiến với các tác giả Trần Quốc Vượng, Chu Thiên, còn có Vương Hoàng Tuyên, Hà Văn Tấn và Phan Huy Lê,... Phản biện lại quan điểm của Trần Văn Giáp cho rằng chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam ra đời khi kim khí phát triển, tác giả Hà Văn Tấn lại lưu ý không phải quốc gia cổ đại phương Đông nào có đồ đồng cũng là xã hội chiếm hữu nô lệ (16).

2. Các nghiên cứu của Giáo sư Phan Huy Lê về Phương thức sản xuất châu Á và Hình thái kinh tế - xã hội

Liên quan tới vấn đề PTSXCA và HTKT-XH, các nghiên cứu của Phan Huy Lê có thể chia thành hai giai đoạn: từ 1959-1975, mở đầu bằng cuốn chuyên khảo *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ* và từ sau năm 1976, khi miền Nam được giải phóng, tình hình đất nước có nhiều

chuyển biến, xu hướng nghiên cứu của giới khoa học xã hội nhìn chung cũng có sự thay đổi, các nghiên cứu của Phan Huy Lê vẫn tiếp tục được công bố cho tới khi ông qua đời ở tuổi 84.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Genève được ký kết, hòa bình lập lại ở miền Bắc, giới sử học Việt Nam bắt đầu có những nghiên cứu chuyên sâu về đời sống xã hội nông thôn và kinh tế Việt Nam, coi đó là cơ sở, nền tảng quan trọng để đề xuất xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp với thực tiễn cuộc sống. Bắt nhịp với xu hướng học thuật đó, từ năm 1959-1975, tác giả Phan Huy Lê có các nghiên cứu có liên quan ít nhiều đến vấn đề PTSXCA và HTKTXH như: *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ (thế kỷ XV)* (17)*, Lao động làm thuê trong chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XVIII về trước* (18)*, Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam* (19)*, Xã hội thời Hùng Vương* (20)... Từ những công trình này ông tiếp tục đi sâu nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Marx, đồng thời tiến hành khảo cứu, soi chiếu vào thực tiễn lịch sử dân tộc Việt Nam để đưa ra các quan điểm riêng.

Từ nửa sau thập niên 70 của thế kỉ XX tới những năm đầu thế kỉ XXI, cùng với các tác giả khác, Phan Huy Lê có nhiều công bố về vấn đề kinh tế, xã hội và các khía cạnh liên quan đến PTSXCA và HTKT-XH như: *Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của loại ruộng đất thế nghiệp* (21)*; Tính chất, chức năng của nhà nước thế kỷ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời* (22)*; Nhận xét về tổ chức và tính chất nhà nước thời Trần* (23)*; Quá trình dân tộc của lịch sử Việt Nam* (24)*; Những chuyển biến về kinh tế xã hội thời Hùng Vương* (25)...

Một số chuyên luận đặc sắc này đến năm 2015 đã được Giáo sư Phan Huy Lê biên tập lại và cho in tái bản trong cuốn *Tìm về cội nguồn* (26). Cuốn sách chia làm VII phần, đề cập đến các nội dung từ sử liệu, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam trong lịch sử, trong đó tập trung nhất vào thời kỳ trung đại. Liên quan tới PTSXCA và HTKT-XH, sách có các chuyên luận tiêu biểu ở phần II. *Mấy vấn đề tổng quan*, và phần III. *Kinh tế - xã hội,* như *Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam* (27)*; Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam* (28)*; Tính thống nhất trong đa dạng của lịch sử Việt Nam* (29)*; Làng xã cổ truyền của người Việt: Tiến trình lịch sử và kết cấu kinh tế - xã hội* (30)...

Bên cạnh một số bài nghiên cứu đề cập trực diện vấn đề, để góp phần nhận diện HTKT-XH Việt Nam thời quân chủ, từ giữa những năm 1990, Giáo sư Phan Huy Lê còn tập trung nghiên cứu sâu về ruộng đất thông qua các địa bạ. Sau bài viết về *Địa bạ cổ ở Việt Nam*, in trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 3 năm 1995, đến năm 2010 tức trong khoảng 15 năm tiếp sau đó, ông đã lần lượt chủ trì nghiên cứu và cho công bố 3 bộ sách về địa bạ thời trung đại Việt Nam bao gồm *Địa bạ Hà Đông* (31); *Địa bạ Thái Bình* (32); *Địa bạ cổ Hà Nội huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận* (33). Đây là nguồn tài liệu quan trọng không chỉ cung cấp các thông tin cụ thể và khá sát thực về cơ cấu ruộng đất, tình hình sở hữu ruộng đất, nhân khẩu, mà qua đó còn có thể tìm hiểu sâu về các dòng họ, bộ máy hành chính cơ sở và lịch sử văn hóa Việt Nam nói chung.

Có thể nói, trong gần sáu thập kỷ nghiên cứu đến năm 2018, chủ đề PTSXCA và KT-XH luôn dành được sự quan tâm và ưu tiên lớn trong các công trình nghiên cứu của Giáo sư Phan Huy Lê, được tập hợp

trong hai bộ sách tập đại thành là *Tìm về cội nguồn* (34) và *Lịch sử văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận* (35). Ngoài các công trình đã tổng quan ở trên, còn có các chuyên luận tiêu biểu như: *Chế độ quân điền dưới góc nhìn so sánh giữa Việt Nam với Trung Quốc* (36)*; Tình hình nghiên cứu làng ở Việt Nam trong thế kỷ XX* (37)*; Kết cấu kinh tế xã hội Hà Nội nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ* (38)*; Phân bố đất đai và cơ cấu kinh tế đô thị Hà Nội thế kỷ XIX* (39)... Trong các nghiên cứu này, Giáo sư Phan Huy Lê tập trung khai thác các khía cạnh xã hội, quan hệ sản xuất, tư liệu sản xuất, nguồn nhân lực, đối tượng lao động trong tự nhiên... để từ đó lý giải các khía cạnh liên quan tới vấn đề PTSXCA và HTKT-XH mang những nét khác biệt trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

3. Một vài quan điểm và đóng góp nổi bật của Giáo sư Phan Huy Lê về Phương thức sản xuất châu Á và Hình thái kinh tế - xã hội Việt Nam

Khái niệm Phương thức sản xuất châu Á và Hình thái kinh tế - xã hội

Theo Giáo sư Phan Huy Lê, khái niệm PTSXCA có liên quan tới đặc điểm kết cấu kinh tế, thiết chế chính trị ở các quốc gia phương Đông thời kì tiền tư bản chủ nghĩa. Khác với các nước phương Tây, trong lòng xã hội các quốc gia phương Đông không có sự tồn tại đầy đủ của chế độ chiếm hữu nô lệ, cũng như không có những biểu hiện của HTKT-XH phong kiến kiểu lãnh địa. Tác giả Phan Huy Lê cho rằng ở các nước phương Đông "sự phân hóa đẳng cấp diễn ra sớm hơn, đậm nét hơn sự phân hoá giai cấp và sau đó tiếp tục kết hợp với sự phân hoá giai cấp, đồng thời công xã nông thôn với những cấu trúc cộng đồng bền vững được bảo tồn lâu dài. Trong thiết chế chính trị của phương Đông, bên cạnh chức năng giai cấp còn mang chức năng xã hội phản ánh lợi ích chung của cộng đồng quốc gia, cộng đồng dân tộc trong cuộc đấu tranh sinh tồn bao gồm cả công cuộc lao động thích nghi và cải tạo thiên nhiên, và cuộc chiến đấu chống ngoại xâm bảo vệ vận mạng cộng đồng dân tộc. Chỉ thấy tính chất và chức năng giai cấp mà không thấy hay không thừa nhận tính chất và chức năng xã hội của thiết chế chính trị là không phù hợp với thực tế lịch sử, nhất là của phương Đông" (40). Như vậy, khi đề cập đến xã hội châu Á cổ đại, Giáo sư Phan Huy Lê đã nhấn mạnh tới chức năng xã hội của nhà nước. Cùng quan điểm với ông, nhiều học giả Việt Nam cho rằng một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới sự ra đời của nhà nước ở các quốc gia phương Đông là nhằm phục vụ nhu cầu trị thủy, đắp đê, chống bão lũ thiên tai. Công việc này chỉ có thể được thực hiện và đạt hiệu quả khi nó được đầu tư và thực hiện trên quy mô lớn, với một nguồn nhân lực "khổng lồ". Để đáp ứng nhu cầu chung ấy của cộng đồng xã hội, nhà nước đã ra đời.

Trong quá trình nghiên cứu khái niệm PTSXCA, Phan Huy Lê đã nhận thấy K. Marx, F. Engels thường nhấn mạnh tới chế độ chuyên chế phương Đông (41). Còn Nguyễn Lương Bích (42) và nhiều nhà nghiên cứu khác lại cho rằng PTSXCA gắn liền với chế độ công xã nông thôn. Bản thân K. Marx tuy chưa định nghĩa rõ nội hàm của khái niệm PTSXCA nhưng cũng từng đưa ra nhận định về một trong những đặc trưng của phương Đông là không có sở hữu tư nhân về ruộng đất. Marx viết: "Cơ sở cho tất cả mọi hiện tượng ở phương Đông là không có chế độ tư hữu về ruộng đất. Đó là chiếc chìa khóa thật sự ngay cho cả thiên giới phương Đông" (43). Tuy nhiên, theo Giáo sư Phan Huy Lê, khái niệm trên chưa phản ánh và bao quát được đầy đủ những đặc điểm cơ bản của HTKT-XH ở các nước

phương Đông (44). Nhưng trong khi chưa tìm ra được một thuật ngữ chính xác nhất để chỉ HTKT-XH phương Đông thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa, thì Phan Huy Lê khuyến khích "tạm dùng cụm từ của Marx" (45). Ông nhấn mạnh: "Khái niệm PTSXCA với tư cách là một thuật ngữ khoa học để chỉ một HTKT-XH thì chưa được chặt chẽ và hoàn chỉnh. Muốn xây dựng một thuật ngữ khoa học thật chính xác để phản ánh đầy đủ một HTKT-XH như vậy, thì một mô hình cụ thể của lịch sử Việt Nam rõ ràng chưa đủ, mà cần phải khái quát trên cơ sở lịch sử của nhiều nước phương Đông" (46).

Song song với những nghiên cứu về PTSXCA, tác giả Phan Huy Lê cũng dành nhiều sự chú ý cho vấn đề các HTKT-XH. Liên quan tới vấn đề Việt Nam đã trải qua những HTKT-XH nào, quan hệ xã hội, lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng bên trong mỗi loại hình thái cũng như mối quan hệ của các hình thái, Phan Huy Lê đã bày tỏ quan điểm của mình thông qua những bài viết kể từ cuối thập niên 50 của thế kỉ XX. Ông cho rằng HTKT-XH ở các quốc gia phương Đông, bao gồm Việt Nam, vừa có những đặc điểm chung tương đồng với các loại HTKT-XH tồn tại ở phương Tây theo quan điểm của chủ nghĩa Marx, vừa có những điểm khác biệt do hoàn cảnh lịch sử dân tộc và điều kiện địa lý khu vực qui định.

Theo quan điểm của K. Marx, sau khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, xã hội sẽ bước vào thời kỳ chiếm hữu nô lệ rồi đến chế độ phong kiến. Nhưng khác với ý kiến của các tác giả Nguyễn Lương Bích, Đào Tử Khải, Lê Trọng Khánh,... ủng hộ quan điểm này, Phan Huy Lê cho rằng trong thời kì cổ - trung đại, Việt Nam không trải qua thời kì chiếm hữu nô lệ giống như phương Tây mặc dù trong lòng xã hội có tồn tại các lớp người được gọi là nô tì, hoặc dưới các tên như: gia nô, gia đồng, gia thần,... Chính vì vậy, xã hội Việt Nam trong giai đoạn đó không chuyển qua chế độ chiếm hữu nô lệ, tức là không tồn tại HTKT-XH chiếm hữu nô lệ, mà thuộc hình thái PTSXCA.

Sau khi HTKT-XH này tan rã, Việt Nam chuyển sang HTKT-XH phong kiến. Giáo sư Phan Huy Lê luôn khẳng định sự tồn tại của chế độ phong kiến Việt Nam, nhưng cũng chỉ rõ những biểu hiện của chế độ đó không giống với các quốc gia phương Tây. Ở phương Tây, sự hình thành các quốc gia phong kiến gắn liền với quá trình nông nô hóa, kinh tế lãnh địa, mối quan hệ giữa lãnh chúa với nông nô, quyền lực quốc gia không tập trung vào tay một vị hoàng đế hay quốc vương mà có sự phân tán rõ rệt. Trong khi đó, "quá trình phong kiến hoá xã hội Việt Nam là quá trình bảo tồn và phong kiến hoá cơ cấu công xã nông thôn kết hợp với quá trình phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất cùng với tầng lớp địa chủ và quan hệ địa chủ - tá điền" (47). Ngoài ra, tính chất tập quyền trong lòng chế độ phong kiến Việt Nam lại được bộc lộ rõ nét dù đôi khi cũng xảy ra tình trạng cát cứ, quyền lực bị phân tán, hầu hết các nhà nước quân chủ cũng thi hành những chính sách, biện pháp nhằm thâu tóm quyền lực vào tay "Thiên tử", đề cao tính tập quyền, chuyên chế.

Bên cạnh đó, sự khác biệt trong HTKT-XH phong kiến giữa phương Đông và phương Tây còn được thể hiện thông qua chế độ sở hữu ruộng đất. Tại Việt Nam đã tồn tại đồng thời nhiều chế độ sở hữu ruộng đất khác nhau như sở hữu nhà nước, sở hữu công xã, sở hữu dòng họ, sở hữu tư nhân (48)... Điều này được thể hiện rõ trong các tài liệu địa bạ cổ cho đến thế kỷ XIX. Tuy nhiên, quyền quyết định tối cao đối với các sở hữu này đều thuộc về nhà nước, đứng đầu là vua. Thông thường, đặc trưng nổi bật của chế độ phong kiến phương Tây là chế độ tư hữu ruộng đất. Còn ở Việt

Nam, trong một số thời điểm hình thành và phát triển chế độ phong kiến Việt Nam, ruộng đất tư đã chiếm ưu thế trong xã hội. Dựa vào số liệu của triều Nguyễn và các tư liệu địa bạ, Phan Huy Lê đã phân tích nhằm làm rõ điều này (49). Cụ thể là vào đầu thế kỉ XIX, sự phân hóa ruộng đất đã diễn ra khá mạnh. Trong tương quan so sánh tình hình sở hữu ruộng đất trên cả nước thì các loại ruộng đất công chiếm tỉ lệ 19%, còn ruộng đất tư chiếm tới 81%. Từ những biểu hiện đó, Phan Huy Lê cho rằng chế độ phong kiến Việt Nam thuộc loại hình phong kiến phương Đông, và rõ ràng nếu lấy mô hình chế độ phong kiến phương Tây làm tiêu chuẩn thì Việt Nam không thể có chế độ phong kiến như vậy (50).

Các biểu hiện và nội hàm của Phương thức sản xuất châu Á ở Việt Nam

Trong nhiều nghiên cứu công bố từ nửa sau thế kỉ XX tới đầu thế kỉ XXI, tác giả Phan Huy Lê thường sử dụng cụm từ PTSXCA để chỉ HTKT-XH trong thời kỳ chuyển tiếp từ chế độ công xã nguyên thủy sang chế độ phong kiến, tức là từ thời Hùng Vương - An Dương Vương cho tới thế kỉ X khi thế lực phong kiến phương Bắc bị đẩy lùi, các dòng họ Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê lần lượt nắm giữ quyền lực tối cao ở Việt Nam. Trong bài *Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam*, ông viết: "Trước đây tôi cho rằng xã hội Việt Nam từ thời kỳ hình thành nhà nước đầu tiên cho đến thời Bắc thuộc là xã hội quá độ từ chế độ công xã nguyên thuỷ sang chế độ phong kiến, không trải qua thời kỳ thống trị của chế độ chiếm hữu nô lệ. Sau này, tôi vẫn khẳng định Việt Nam không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ, nhưng trong thời kỳ cổ đại đã trải qua một hình thái xã hội có nhà nước và giai cấp sơ kỳ mang đặc trưng của nhiều nước phương Đông tạm gọi là xã hội "phương thức sản xuất châu Á" (51). Trong xã hội đó, sự phân chia giai cấp, tầng lớp đã xảy ra và có xu hướng ngày càng tăng tiến nhưng chưa rõ rệt, những mâu thuẫn xã hội do sự khác biệt về giai cấp cũng manh nha hình thành nhưng chưa quá gay gắt, quan hệ nô lệ đã xuất hiện nhưng dưới hình thức nô lệ gia trưởng, và không phát triển thành hình thái chiếm hữu nô lệ giống như ở phương Tây; công xã nông thôn vẫn là cơ sở kinh tế chính với những thành viên trong công xã là lực lượng sản xuất chủ yếu. Đặc biệt, trong bối cảnh sự phân hóa xã hội ngày một rõ nét, một nhà nước sơ khai với tên gọi Văn Lang đã ra đời, cả nước được chia làm 15 bộ, Hùng Vương có vai trò giống như một thủ lĩnh trong liên minh 15 bộ đó hơn là một vị vua như ở các chính quyền quân chủ sau này.

Bước sang thế kỉ XI, những biểu hiện của chế độ phong kiến Việt Nam mang đậm hình thái phong kiến phương Đông được nảy nở và đạt tới đỉnh cao dưới vương triều Lê sơ trong thế kỉ XV. Có thể nói, sự ra đời của các chính quyền quân chủ chuyên chế Việt Nam thời trung đại là dựa trên nền tảng của một HTKT-XH mà tất cả những yếu tố cấu thành mới chỉ dừng lại ở mức sơ kì. Phan Huy Lê khẳng định rằng chế độ phong kiến Việt Nam hình thành và phát triển trên cơ sở bảo tồn và phong kiến hoá dần kết cấu kinh tế - xã hội của PTSXCA (52). Nhưng theo ông, trong quá trình xác lập, phát triển và suy tàn của chế độ phong kiến Việt Nam, các đặc trưng của PTSXCA vẫn tồn tại song đã có sự biến đổi do những yêu cầu của thời đại. Trong bài viết *Vấn đề dân chủ trong truyền thống Việt Nam* in trên báo *Tổ quốc* năm 1988, ông đã đi sâu phân tích làm rõ một số biểu hiệu của PTSXCA trong chế độ phong kiến Việt Nam. Ông viết: "Chế độ phong kiến Việt Nam hình thành và phát triển trên cơ sở

một mặt là bảo tồn và phong kiến hoá kết cấu kinh tế - xã hội của công xã nông thôn, mặt khác là sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất. Chế độ sở hữu ruộng đất của công xã chuyển hoá thành chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất và do đó, quan hệ giữa vua và thần dân bao gồm cả quan hệ bóc lột địa tô của một địa chủ lớn (vua) đối với nông dân tá điền (thành viên công xã). Cùng với sự ra đời và phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất, trong xã hội lại xuất hiện một tầng lớp địa chủ tư hữu (bao gồm địa chủ, quý tộc và một số quan lại) phát canh thu tô bóc lột trực tiếp nông dân tá điền, và một tầng lớp nông dân tư hữu có ít nhiều ruộng đất tư. Giai cấp nông dân Việt Nam như thế là bao gồm một số nông dân tự canh có ruộng đất tư hữu, số đông là nông dân tá điền đều không có hoặc không có bao nhiêu ruộng đất tư nên phải cày ruộng của nhà vua và địa chủ theo quan hệ địa chủ - tá điền, và một số nông dân nghèo khổ phải đi làm thuê, đi ở thân phận gần như nô tì và thường dễ rơi xuống thân phận nô tì" (53).

Phan Huy Lê cũng xác định những đặc trưng trong HTKT-XH của một thời kỳ lịch sử tạm gọi là PTSXCA không chỉ tồn tại trong các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam mà nó còn tiếp tục tồn tại trong những HTKT-XH xuất hiện tiếp sau ở Việt Nam từ thế kỉ XIX cho tới nay. Chính vì vậy, nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng xã hội thời hiện đại của Việt Nam là "cải tạo và xoá bỏ một thế giới cũ không phải chỉ dựa trên một HTKT-XH", mà "bao gồm và chồng chất trong đó cả chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cả chế độ phong kiến và cả những tàn dư dai dẳng của chế độ công xã nguyên thuỷ và PTSXCA" (54). Như vậy, theo Giáo sư Phan Huy Lê, có bốn biểu hiện của PTSXCA ở Việt Nam là:

i. Sự tồn tại của các công xã nông thôn, với các tên gọi làng xã (người Việt) cổ truyền, buôn bản, chiềng, chạ, kẻ (trong ngôn ngữ của nhiều tộc người thiểu số),...

ii. Chế độ sở hữu công về ruộng đất mà người sở hữu tối cao là nhà vua. Trong những giai đoạn nhất định của lịch sử Việt Nam đã xuất hiện hình thức sở hữu tư nhân về ruộng đất, thậm chí có thời điểm sở hữu tư chiếm tỉ lệ cao hơn ruộng đất công, nhưng nhà nước vẫn nắm giữ vai trò quyết định đối với ruộng đất tư. Những địa chủ có số lượng lớn ruộng đất tại Việt Nam không có cơ hội để phát triển trở thành những lãnh chúa trong các lãnh địa giống như ở phương Tây.

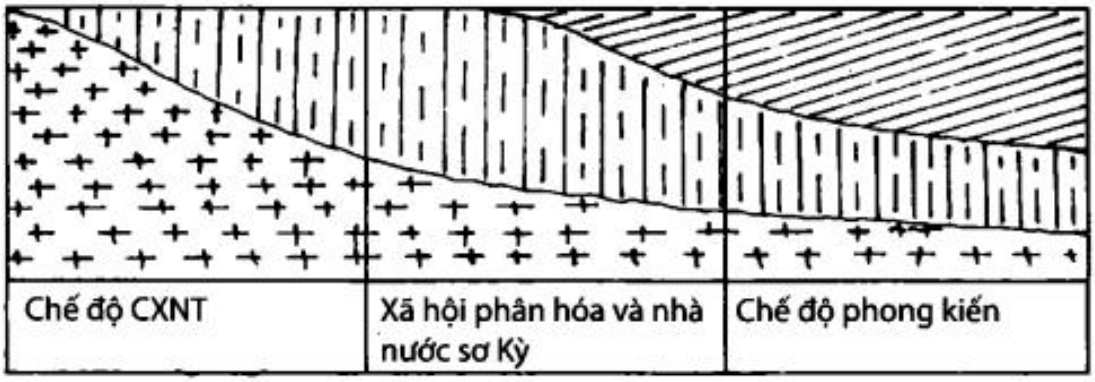
iii. Nhà nước chuyên chế do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao quyết định mọi công việc của đất nước. Nhà nước ấy thực hiện đồng thời hai chức năng là giai cấp và xã hội, trong đó, chức năng xã hội được thể hiện thông qua các hoạt động như thu tô thuế, trị thủy, thủy lợi...

iv. PTSXCA tồn tại dai dẳng, kéo dài, thể hiện tính chất trì trệ, bảo thủ của xã hội Việt Nam suốt hàng nghìn năm từ thời cổ đại đến trước thời kỳ thuộc địa.

Hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam

Có thể nói, chuyên đề về *Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam* (55) được giảng dạy tại Đại học Paris VII năm 1981, sau đó công bố trên Tạp chí *Viet Nam Social Sciences* năm 1986 và được tái bản và in trong cuốn *Tìm về cội nguồn,* là nghiên cứu đầy đủ và hệ thống nhất của Phan Huy Lê về các HTKT-XH trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Trên cơ sở phân tích các quan điểm và lập luận của các học giả đi trước, dựa trên thực tiễn Việt Nam, Giáo sư Phan Huy Lê đã đối chiếu, diễn giải và đưa ra những ý kiến riêng của mình về các HTKT-XH ở Việt Nam. Theo Giáo sư Phan Huy Lê, sự tiến triển của các HTKT-XH trong lịch sử Việt

Sơ đồ 1: Sơ đồ các HTKT-XH Việt Nam từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XIX (56)



Nam cho đến giữa thế kỉ XIX được khái quát thông qua sơ đồ 1:

Giống như nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam, Phan Huy Lê đồng thuận rằng chế độ công xã nguyên thủy là HTKT-XH đầu tiên ở Việt Nam, kéo dài hàng chục vạn năm từ sơ kì thời đại đá cũ tới sơ kì thời đại kim khí và những biểu hiện của hình thái này ở Việt Nam khá tương đồng với các dân tộc, quốc gia khác trên thế giới. Sau chế độ công xã nguyên thủy, trong lòng xã hội Việt Nam dần hình thành bộ phận nô tì, số lượng nô tì trong mỗi gia đình, hay trong các chùa, cung điện là tùy thuộc theo thân phận của chủ nô tì. Trong nhiều giai đoạn của lịch sử Việt Nam, nhà nước cũng quy định rõ số lượng nô tì tối đa, tối thiểu phục vụ cho vua chúa, hậu phi, vương hầu, quý tộc. Đặt trong tương quan giữa tỉ lệ nô tì với giai cấp quý tộc nói chung, thì số lượng nô tì ở Việt Nam là rất lớn, thậm chí có gia đình như nhà của Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản có trên 1.000 gia đồng (57). Mặc dù vậy, theo Phan Huy Lê, quan hệ bóc lột nô lệ chưa bao giờ là quan hệ chi phối xã hội Việt Nam thời bấy giờ (58). Giáo sư Phan Huy Lê cho rằng: "Chế độ nô tì tồn tại trong thời Bắc thuộc có nguồn gốc từ quan hệ nô lệ gia trưởng xuất hiện vào mạt kỳ chế độ công xã nguyên thuỷ và được bảo lưu, phát triển trong thời Bắc thuộc cho đến thời phong kiến sau đó. Sự tồn tại của một lớp người nô lệ ấy không đủ để chứng minh rằng xã hội ta trong thời Bắc thuộc đang ở trong thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ và càng không thể lấy đó làm bằng cứ để đoán định rằng xã hội ta trước kia phải nhất thiết trải qua một thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ" (59).

Để lý giải một cách cụ thể và rõ ràng hơn về HTKT-XH Việt Nam thời kì sau chế độ công xã nguyên thủy, trong bài viết *Sự hình thành dân tộc, một phạm trù lịch sử trong thời gian và không gian* công bố vào năm 1980, Giáo sư Phan Huy Lê đã chỉ rõ thêm: "Trong thời cổ đại, Việt Nam không trải qua một thời kỳ thống trị của chế độ chiếm hữu nô lệ. Quan hệ nô lệ xuất hiện và phát triển trong mức độ nào đó, nhưng dưới hình thức của chế độ nô lệ gia trưởng và không hề chiếm địa vị chủ đạo trong xã hội. Kết cấu kinh tế xã hội thời đó mang những đặc điểm của xã hội có giai cấp sơ kỳ ở phương Đông, lấy công xã nông thôn làm cơ sở và thành viên công xã giữ vai trò lực lượng sản xuất chủ yếu. Sự phân hoá xã hội đang phát triển nhưng chưa đến mức độ gay gắt" (60). Trong một bài viết khác, ông giải thích rõ ràng hơn về tình hình, đặc điểm của Việt Nam thời kì này. Theo đó, cơ sở xã hội có vị trí bền vững và phổ biến nhất lúc đó là công xã nông thôn (61) với

quyền sở hữu toàn bộ ruộng đất của công xã, lực lượng sản xuất chủ yếu là thành viên công xã, quan hệ bóc lột nô lệ tồn tại dưới dạng nô lệ gia trưởng và chỉ là thứ yếu trong xã hội, xã hội phân hóa ngày càng rõ rệt nhưng chưa gay gắt như ở các HTKT-XH sau đó (62). Quan hệ nô lệ gia trưởng này xuất hiện vào giai đoạn mạt kì của chế độ công xã nguyên thủy và tồn tại cho tới suốt những thế kỉ tiếp theo. Ông cũng nhận định rằng kết cấu kinh tế - xã hội thời kì này mang đặc điểm của xã hội có giai cấp sơ kì, một nhà nước với thiết chế đơn giản đã xuất hiện, các tầng lớp trong xã hội dần hình thành nhưng chưa có sự phân biệt rõ rệt, công xã nông thôn đóng vai trò then chốt. Mặc dù xác định nhà nước sơ kì được hình thành ở Việt Nam từ trước Công nguyên, nhưng tác giả Phan Huy Lê cũng chỉ rõ chế độ công xã nguyên thủy chỉ tan rã sớm ở vùng đồng bằng, còn ở khu vực miền núi, hình thái này tồn tại khá lâu dài với quá trình giải thể rất chậm và những tàn dư của nó.

Sau một thời kì bị ngoại bang đô hộ kéo dài, Việt Nam bắt đầu bước vào thời kì phong kiến. Theo một số nhà nghiên cứu, chế độ phong kiến Việt Nam đã được hình thành từ đầu thế kỉ X với sự kiện Khúc Thừa Dụ giành lại quyền tự chủ cho dân tộc sau khoảng 1.000 năm chịu sự đô hộ của phong kiến phương Bắc. Nhưng cũng có ý kiến khác lại cho rằng chế độ phong kiến Việt Nam được xác lập muộn hơn, vào giữa hoặc cuối thế kỉ X dưới thời nhà Ngô hoặc nhà Đinh. Trái ngược với những quan điểm trên, Phan Huy Lê nhận định: "Nhà nước ra đời và phát triển trong thế kỉ X ở nước ta từ chính quyền họ Khúc đến triều Tiền Lê là *một nhà nước độc lập tự chủ dựa trên nền tảng của "phương thức sản xuất châu Á" đang lúc phát triển, chưa có dấu hiệu suy thoái, giải thể*. Những yếu tố phong kiến đã xuất hiện nhưng còn phải trải qua một quá trình phát triển lâu dài mới có thể tạo nên những chuyển biến dẫn đến sự xác lập chế độ phong kiến" (63). Ông xác định mốc thời gian từ thế kỉ X tới thế kỉ XV là giai đoạn hình thành và xác lập chế độ phong kiến Việt Nam; sự ra đời của triều Lê sơ đã đạt tới đỉnh cao của chế độ phong kiến với việc hoàn thiện nhà nước tập quyền; từ giữa thế kỉ XVIII tới thế kỉ XIX chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn suy vong.

Thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng và suy thoái cũng là lúc những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa dần xuất hiện và sinh sôi dù rất chậm chạp trong lòng xã hội Việt Nam. Theo Phan Huy Lê, "quá trình suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam đã bắt đầu từ giữa thế kỷ XVIII, nhưng quá trình đó không đi kèm theo một cách tương ứng với quá trình nảy sinh và phát triển của chủ nghĩa tư bản để tạo điều kiện cho sự giải thể của chế độ phong kiến và bước chuyển mình lên một HTKT-XH cao hơn. Đấy là nguyên nhân làm cho bước đường suy vong của chế độ phong kiến mang tính chất trì trệ, đình đốn và làm chậm sự phát triển của xã hội Việt Nam vào cuối thời trung đại" (64).

Là chuyên gia hàng đầu về lịch sử Việt Nam cổ - trung đại, Giáo sư Phan Huy Lê chỉ tập trung nghiên cứu làm rõ các HTKT-XH Việt Nam đến thế kỷ XIX, còn các HTKT-XH tiếp sau kể từ thời thuộc địa đến hiện nay về cơ bản vẫn còn bỏ ngỏ với nhiều khoảng trống cần được lấp đầy. Tuy nhiên, từ các kết quả nghiên cứu liên quan đến các giai đoạn lịch sử trước đó, ông cũng đã đưa ra chỉ báo rằng: "Dưới thời kì thống trị của chủ nghĩa thực dân, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có phát triển trong mức độ nào đó, nhưng bị kìm hãm nặng nề.

Cùng với quá trình phát triển của mầm mống tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, một số yếu tố nào đó của dân tộc tư sản đã xuất hiện. Nhưng sự phát triển yếu ớt của chủ nghĩa tư bản chưa tạo ra cơ sở để Việt Nam trở thành dân tộc tư sản hay dân tộc cận đại tuy quá trình cận đại hóa đã bắt đầu trong mức độ nhất định… Trong khi đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 rồi thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược để giành lại độc lập và thống nhất, Việt Nam bước vào quá trình hình thành dân tộc hiện đại theo hướng xã hội chủ nghĩa" (65).

Trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc, kể từ thời công xã nguyên thủy, Việt Nam đã lần lượt trải qua nhiều HTKT-XH khác nhau. Những HTKT-XH đó vừa giống nhưng cũng lại vừa khác so với các HTKT-XH trong các quốc gia phương Tây, chúng vừa có những điểm tương đồng nhưng cũng có những khía cạnh khác biệt so với học thuyết Marx. Nhưng có một đặc điểm nổi bật là, những HTKT-XH đó không hề triệt tiêu nhau, HTKT - XH sau không loại trừ và thay thế hoàn toàn HTKT-XH trước đó mà lại được bảo tồn và biến đổi để cùng tồn tại, phát triển; ngay cả trong HTKT-XH mới nảy sinh cũng đã mang mầm mống của HTKT-XH kế tiếp. Phan Huy Lê nhận xét đó là cấu trúc kiểu kết tầng tạo nên sự phát triển sớm và tồn tại bền vững cho Việt Nam trong thời cổ đại và đầu trung đại. Tuy nhiên, chính kết cấu theo kiểu "kết tầng" đó lại là nguồn gốc cho sự chậm tiến, trì trệ của Việt Nam vào giai đoạn cuối thời kì trung đại, và hậu quả nặng nề nhất của nó là dân tộc Việt Nam buộc phải chịu sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân trong suốt trăm năm (66).

4. Kết luận

Là một nhà khoa học có tư duy nhạy bén và mẫn tiệp, Giáo sư Phan Huy Lê sớm và luôn ý thức về việc tìm hiểu nông nghiệp và kinh tế là lĩnh vực nền tảng, nếu nghiên cứu tốt sẽ lý giải được nhiều hiện tượng, vấn đề căn cốt trong lịch sử đất nước. Đánh giá về di sản khoa học đồ sộ của nhà sử học Phan Huy Lê, Giáo sư Vũ Dương Ninh đã nhận định "toàn bộ trước tác của Giáo sư Phan Huy Lê được chia thành 7 lĩnh vực chủ yếu, với số công trình từ 41 đến 92 (trung bình 58) cho mỗi lĩnh vực" (67). Dù số lượng công trình đồ sộ với chủ đề đa dạng từ vấn đề sử liệu, phương pháp nghiên cứu đến các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, kinh tế - xã hội, thì đề tài về PTSXCA và HTKT-XH Việt Nam luôn dành được sự quan tâm đặc biệt và ghi dấu những đóng góp xuất sắc trong nhiều công trình của Giáo sư Phan Huy Lê.

Thông qua những nghiên cứu của mình, ông cho người đọc thấy được diện mạo của kinh tế, xã hội Việt Nam thời tiền tư bản chủ nghĩa, đồng thời làm sáng tỏ những đặc trưng trong quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng của Việt Nam thời cổ - trung đại. Nắm chắc phương pháp luận và lý luận Macxit, soi chiếu và phân tích cụ thể thực tiễn lịch sử Việt Nam, ông đã khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa Marx mang trên các nguyên tắc. Đó là sự thiết lập và thay thế các HTKT-XH mang tính phổ quát được coi là công cụ để đánh giá trình độ và sự phát triển của nhân loại và mỗi dân tộc. Nhưng tại các quốc gia có hoàn cảnh đặc thù như phương Đông, lịch sử lại diễn ra không giống như các nước phương Tây. Trong các quốc gia đó, sau khi chế độ (HTKHXH) cộng sản nguyên thủy tan rã, xã hội bước vào một thời kỳ lịch sử mới không phải là HTKT-XH chiếm hữu nô lệ

như ở châu Âu mà thuộc PTSXCA với nhiều tính chất đặc thù, khác biệt. Từ các kết quả nghiên cứu của mình, Giáo sư Phan Huy Lê đã nhất quán quan điểm rằng, là một quốc gia ở phương Đông, sau khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, Việt Nam bước vào thời kỳ hình thành và thống trị của PTSXCA kéo dài hàng ngàn năm kể từ thời các vua Hùng cho tới đầu thế kỷ X. Sau thời kỳ này, Việt Nam chuyển sang thời kỳ xác lập rồi phát triển của chế độ quân chủ phong kiến. Trong thời kỳ tồn tại của chế độ quân chủ từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX, HTKT-XH bao trùm là HTKT-XH phong kiến với hai bộ phận dân cư chủ yếu là địa chủ - quí tộc và nông dân. Nhưng ngay cả trong thời kỳ này, bên cạnh HTKT-XH phong kiến vẫn còn tồn tại các quan hệ của PTSXCA, thậm chí cả các yếu tố kinh tế, xã hội của thời kỳ cộng sản nguyên thủy, nhất là ở các khu vực miền núi, các vùng biên viễn, hải đảo xa xôi, hẻo lánh. Với những kết quả này, trên chừng mực nhất định, những nghiên cứu của Phan Huy Lê không chỉ làm sáng tỏ nhiều vấn đề căn cốt của lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại, mà còn cùng với các học giả khác có cùng quan điểm góp phần vào việc bổ sung học thuyết Marx về HTKT-XH và PTSXCA từ thực tiễn Việt Nam. Điều này thể hiện tính sáng tạo và phù hợp với định hướng phương pháp luận khoa học của nhà cách mạng thiên tài - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cách nay đúng 100 năm. Trong bản *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* được cho là của Nguyễn Ái Quốc vào năm 1924 có đoạn viết: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại" (68). Rồi bản báo cáo viết tiếp: "Mác cho ta biết rằng sự tiến triển của xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản… Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không?". Và cuối cùng, tác giả báo cáo tự đưa ra câu trả lời là: Dù sao thì cũng không ai có thể cấm "bổ sung" cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được" (69).

Mặc dù có những đóng góp mới rất đáng được đánh giá cao nhưng những nghiên cứu của Giáo sư Phan Huy Lê về HTKT-XH Việt Nam chủ yếu tập trung ở các giai đoạn lịch sử cổ - trung đại, còn khoảng thời gian gần hai thế kỷ tiếp sau kể từ khi đất nước chịu sự xâm lược và đô hộ của chủ nghĩa thực dân vào giữa thế kỷ XIX đến hiện nay thì chưa được tập trung nghiên cứu. Điều đó đặt ra yêu cầu và nhiệm vụ cho các thế hệ sau tiếp tục khám phá, đào sâu nghiên cứu trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, không chỉ ở Việt Nam mà ở cả các nước khác có điều kiện tương tự, để có cái nhìn so sánh, khách quan nhằm đưa ra những kiến giải sát hợp, tiệm cận thực tế lịch sử trên cơ sở kế thừa quan điểm và các kết quả nghiên cứu trong gần sáu thập kỷ của Giáo sư Phan Huy Lê về vấn đề PTSXCA và HTKT-XH ở Việt Nam.

CHÚ THÍCH

(1). Văn Tạo, *Phương thức sản xuất châu Á: lý luận Mác - Lênin và thực tiễn Việt Nam,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 85.

(2). Karl Marx, "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", trong *C.Mác và Ph.Ăng-ghen Toàn tập*, Tập 13, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2004, tr. 15.

(3). Emilio Serini, "Từ Mác đến Lê-nin: phạm trù "hình thái kinh tế - xã hội", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (174)-1977, tr. 51-79.

(4). V. V. Stơ-ru-ve, n. V. Pi-gu-lép-scài-a, "Vấn đề tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và hình thái chủ nghĩa phong kiến", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (14)-1960, tr. 50-61.

(5). Karl Marx, "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", trong *C.Mác và Ph.Ăng-ghen Toàn tập*, tập 13, sđd, tr. 16.

(6). Nguyễn Hồng Phong, *Xã thôn Việt Nam,* Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội,1959.

(7). Phan Huy Lê, *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ (thế kỷ XV),* Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1959.

(8). Văn Tân, "Cần có một quan niệm nhất trí về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 7 (16), 1960, tr. 8.

(9). Minh Tranh, "Vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", Tập san *Văn Sử Địa,* số 7, 1955, tr. 19.

(10). Trần Văn Giáp, "Trống đồng với chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", Tập san *Văn Sử Địa,* 15-1955, tr. 35.

(11). Nguyễn Lương Bích, "Lịch sử Việt Nam có hay không có chế độ chiếm hữu nô lệ", Tập san *Văn Sử Địa,* 35-1957, tr. 38-39.

(12). Văn Tân, "Vài ý kiến về vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* 4 (13), 1960, tr. 38.

(13). Văn Tân, "Xã hội Việt Nam thực sự đã trải qua thời kì chế độ chiếm hữu nô lệ", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 7 (16), 1960, tr. 51.

(14). Nguyễn Lương Bích, "Lịch sử Việt Nam có hay không có chế độ chiếm hữu nô lệ", Tập san *Văn Sử Địa,* 35-1957, tr. 45.

(15). Trần Quốc Vượng, Chu Thiên, "Xã hội Việt Nam có trải qua một thời kì của chế độ chiếm hữu nô lệ hay không?", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 7 (16), 1960, tr. 10.

(16). Hà Văn Tấn, "Mấy điểm xung quanh vấn đề Việt Nam và phương Đông cổ đại", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 (18), 1960, tr. 5.

(17). Phan Huy Lê, *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ (thế kỷ XV),* sđd, 1959.

(18). Phan Huy Lê, "Lao động làm thuê trong chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XVIII về trước", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 9 (11), 1959, tr. 40-57.

(19). Phan Huy Lê, "Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 7 (16), 1960, tr. 62-71.

(20). Phan Huy Lê, Chử Văn Tần, "Xã hội Hùng Vương", tr. 245-257, trong Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học, *Hùng Vương dựng nước,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.

(21). Phan Huy Lê, "Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của loại ruộng đất thế nghiệp", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 4 (199), 1981, tr. 15-19.

(22). Phan Huy Lê, "Tính chất, chức năng của nhà nước thế kỷ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* 1 (208), 1983, tr. 22-32, 58

(23). Phan Huy Lê, "Nhận xét về tổ chức và tính chất nhà nước thời Trần", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (235), 1987, tr. 27-32, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 629-639.

(24). Phan Huy Lê, *Quá trình dân tộc của lịch sử Việt Nam (Chuyên đề giảng trong giai đoạn I hệ đào tạo 5 năm),* Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1990.

(25). Phan Huy Lê, "Những chuyển biến về kinh tế xã hội thời Hùng Vương", trong Phan Huy Lê (chủ biên) *Lịch sử Việt Nam tập I*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr. 122-150.

(26). Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2011. Năm 2015 sách được tái bản tại Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

(27). Phan Huy Lê, *Sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử Việt Nam*, Bài giảng tại Đại học Paris VII, 1981, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 339-355.

(28). Phan Huy Lê, "Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam", Tạp chí *Dân tộc*

học, số 2,1982, tr. 9-20, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr.340-362.

(29). Phan Huy Lê,"Tính thống nhất trong đa dạng của lịch sử Việt Nam", trong Viện Sử học, *Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, in lại trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 363-401.

(30). Phan Huy Lê, *Làng xã cổ truyền của người Việt: Tiến trình lịch sử và kết cấu kinh tế - xã hội*, Bài giảng tại Đại học Amsterdam, Hà Lan, 1986, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr.413-426.

(31). Phan Huy Lê (chủ biên), *Địa bạ Hà Đông: Từ Liêm, Đan Phượng, Thượng Phúc, Hoài An, Sơn Minh,* Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội, 1995.

(32). Phan Huy Lê (chủ biên), *Địa bạ Thái Bình: Châu Định, Đông Quan, Quỳnh Côi, Thanh Quan, Vũ Tiên,* Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1997.

(33). Phan Huy Lê (chủ biên), *Địa bạ cổ Hà Nội huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận (2 tập),* Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010.

(34). Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd.

(35). Phan Huy Lê, *Lịch sử văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. Cuốn sách này lần đầu được in tại Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, do TS. Phan Phương Thảo tuyển chọn, gồm 1038 trang.

(36). Phan Huy Lê, *Chế độ quân điền dưới góc nhìn so sánh giữa Việt Nam với Trung Quốc*, Báo cáo tại Hội thảo khoa học Đông Á - Đông Nam Á, những vấn đề lịch sử và hiện tại, do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ở Hà Nội ngày 28-3-2003, in trong Phan Huy Lê, *Lịch sử văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận,* sđd, tr. 515-528.

(37). Phan Huy Lê, *Tình hình nghiên cứu làng ở Việt Nam trong thế kỷ XX*, Báo cáo tại Hội thảo Khoa học về Việt Nam học do Đại học California - Los Angeles tổ chức tại Los Angeles ngày 11-12-5-2001, in trong Phan Huy Lê, *Lịch sử văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận,* sđd, tr. 489-514.

(38). Phan Huy Lê, "Kết cấu kinh tế xã hội Hà Nội nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ", trong *Di sản văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr. 187-242.

(39). Phan Huy Lê, "Phân bố đất đai và cơ cấu kinh tế đô thị Hà Nội thế kỷ XIX", trong *Di sản văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử,* sđd, tr. 243-272. Nội dung này được tổng hợp từ các báo cáo trước đó của Giáo sư Phan Huy Lê, gồm (Phan Huy Lê, *Địa bạ cổ Hà Nội thế kỷ XIX*. Báo cáo tại Hội thảo khoa học về Hà Nội cổ, Hà Nội, 1997; Phan Huy Lê, *Địa bạ cổ Hà Nội (huyện Vĩnh Xương/ Thọ Xương)*, Báo cáo khoa học tại Hội thảo Euro - Viet 2 ở tại Aix - En - Provence (Pháp) ngày 3-5/5/1995; Phan Huy Lê, *Địa bạ cổ Hà Nội (huyện Quảng Đức/ Vĩnh Thuận),* Báo cáo khoa học tại hội thảo Euro - Viet 3 tại Amsterdam (Hà Lan) ngày 2-4/7/1997).

(40). Phan Huy Lê, "Thiết chế chính trị: di sản và kế thừa", Tạp chí *Khoa học,* Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1993, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 656.

(41). Phan Huy Lê, "Về tính chất và chức năng của Nhà nước thời Khúc - Dương - Ngô - Đinh - Tiền Lê", Tạp chí *Luật học,* 1 (41), 1983, tr. 44-53, 63, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 625.

(42). Nguyễn Lương Bích, "Phương thức sản xuất châu Á là gì?", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 9 (54), 1963, tr. 25.

(43). Lê Văn Yên, Bùi Đức Khánh, "Nghiên cứu của C. Mác về công xã nông thôn ở Ấn Độ", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam,* số 4-2020, tr. 24.

(44). Phan Huy Lê, "Truyền thống và cách mạng", trong *Hà Nội: Truyền thống và cách mạng,* Nhân kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Thủ đô 10-10-1984, in lại trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 1168.

(45). Phan Huy Lê, "Chiến thắng Bạch Đằng năm 938: vị trí, ý nghĩa lịch sử và những vấn đề khoa học đang đặt ra", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* 2 (203), 1982, tr. 12-17, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội*

nguồn, sđd, tr. 706, tiêu đề bài viết có điều chỉnh thành "Chiến thắng Bạch Đằng năm 938: vị trí, ý nghĩa lịch sử và những vấn đề cần nghiên cứu".

(46), (49). Phan Huy Lê, "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 304, 309.

(47). Phan Huy Lê, "Vài nhận xét về tổ chức và tính chất nhà nước thời Trần", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 636.

(48). Phan Huy Lê, "Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của loại ruộng đất thế nghiệp", tlđd, tr. 19.

(50). Phan Huy Lê, "Đôi điều suy nghĩ về học thuyết quân sự Việt Nam", trong *Tìm hiểu học thuyết quân sự Việt Nam*, Hà Nội, 1997, in lại trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 875.

(51). Phan Huy Lê, "Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 299.

(52). Phan Huy Lê, "Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 344.

(53). Phan Huy Lê, "Vấn đề dân chủ trong truyền thống Việt Nam", *Tổ quốc*, số 4, 1988 in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 1180.

(54). Phan Huy Lê, *Truyền thống và cách mạng*, trong *Tìm về cội nguồn*, sđd tr. 1170.

(55). Phan Huy Lê, "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 300-314.

(56). Phan Huy Lê, "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 312. HTKTXH thứ hai chính là PTSXCA.

(57), (58). Phan Huy Lê, "Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", tlđd, tr. 62.

(59). Phan Huy Lê, "Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 298.

(60). Phan Huy Lê, "Sự hình thành dân tộc, một phạm trù lịch sử trong thời gian và không gian", Tham luận tại *Đại hội sử học thế giới lần thứ XV ở Bucarest (Roumanie) 8-1980,* in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 317.

(61). Gồm chạ, chiềng, kẻ...

(62). Phan Huy Lê, "Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 356.

(63). Phan Huy Lê, "Tính chất, chức năng của nhà nước thế kỷ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* tlđd, tr. 32.

(64). Phan Huy Lê, "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 312.

(65). Phan Huy Lê, "Các thảo luận về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam", Báo cáo tổng kết cuộc thảo luận vấn đề hình thành dân tộc tại *Hội nghị Khoa học kỷ niệm 20 năm thành lập Viện sử học*, 1981, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn,* sđd, tr. 331.

(66). Phan Huy Lê, "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam", trong *Tìm về cội nguồn*, sđd, tr. 313.

(67). Vũ Dương Ninh, "GS.NGND Phan Huy Lê - chuyên gia hàng đầu về lịch sử Việt Nam", Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, truy cập tại https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/nhan-vat-su-kien/gs-ngnd-phan-huy-le-chuyen-gia-hang-dau-ve-lich-su-viet-nam-17205.html, tháng 1-2024.

(68), (69). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 510, 509.